

BA TỔ CHỨC VĂN CHƯƠNG NAM BỘ

Huỳnh Công Tín

Nam Bộ, vùng đất trẻ trong khoảng 300 năm, chưa thể nói là có nhiều truyền thống lịch sử lâu đời về văn hóa, học thuật như những vùng đất khác. Nhưng nếu nói rằng, vùng đất này chỉ đọng lại những thành tựu kinh tế chứng tỏ sự năng động ở con người Nam Bộ thì chưa đủ; vùng đất này còn có những dấu ấn văn hóa một thời làm nên truyền thống hiếu học, độ dày của tri thức ở con người Nam Bộ ngày nay. Đó là 3 tổ chức văn chương Nam Bộ nổi tiếng một thời, không chỉ trong vùng mà còn có tiếng vang trong cả nước, thậm chí ở nước ngoài: “*Chiêu anh các* (Hà Tiên - 1736); *Bình Dương thi xã* (Gia Định – cuối TK. XVIII đầu TK. XIX), *Bạch Mai thi xã*” (Gia Định – nửa sau TK. XIX). Sự xuất hiện của những tổ chức này, một mặt nói lên được cảm hứng, chủ trương, óc sáng tạo, khả năng và thành quả văn chương của những con người một thời đã qua; mặt khác, ngoài tài năng văn chương, học vấn sâu rộng, nhân cách sống của những con người ấy, chúng ta còn thấy được ở vùng đất mới này, sự học đã có được một bước phát triển đáng kể, mà trước đó vùng đất này chỉ được biết đến với thế mạnh về nông nghiệp nhưng hãy còn “hoang sơ” về văn hóa, chữ nghĩa. Một thời và thậm chí đến bây giờ, cũng có không ít người vẫn nghĩ như thế.

Chiêu Anh các được thành lập vào đời thứ hai của dòng họ Mạc (Mạc Cửu: 1655 – 1735) đến định cư và khai phá mảnh đất Hà Tiên. Người có công đầu là Mạc Thiên Tích (1706 – 1780), còn gọi Mạc Thiên Tứ, con trai Mạc Cửu, mang hai dòng máu Việt-Hoa. Ông kế thừa được tài năng của cha và tình yêu của mẹ để lãnh đạo vùng đất Hà Tiên này. Ông biết cả Hán lẫn Nôm; ông giỏi tiếng cha (tiếng Trung Quốc), lại rành tiếng mẹ (tiếng Việt); ông thành thạo cả

văn, tinh thông lẫn võ. Ông là người sáng lập và là chủ soái của “Tao đàn Chiêu Anh các”. Tổ chức này được ông thành lập với tôn chỉ mục đích cũng rất đơn giản, nhưng khá rõ ràng và giàu ý nghĩa là xây dựng “trung tâm văn hóa” để “phát triển giáo dục” (truyền bá Nho học), làm cho Hà Tiên có cái gì đó mới mẻ hơn, hấp dẫn hơn không chỉ đối với du khách, thương nhân; mà còn cho cả tầng lớp nghèo khổ muốn tìm đất dung thân, phát triển.

Chiêu Anh các không vịnh cảnh đẹp đâu đâu, xa vời, mà nói về cảnh, người của đất Hà Tiên, nơi họ sống. Nội dung văn chương của tổ chức này cần được ghi nhận như một nét sáng tạo và mới mẻ trong bối cảnh lịch sử ấy. Vì: ở thời điểm đó, không ít tác giả vẫn vịnh cảnh đẹp xuất phát từ điển cố, tích xưa, cảnh cũ; mặt khác, “văn dĩ tải đạo” là chính, còn “thỏa mãn thú vui tiêu khiển” là phụ. Nhưng, Chiêu Anh các thì nhắm vào cảnh thực, người thật, lấy niềm vui tiêu khiển để con người vui sống, có thêm nghị lực để lao động, chiến đấu. Mục tiêu này có phần quan trọng hơn trong tôn chỉ hoạt động của Chiêu Anh các. Chùm thơ xướng họa “Hà Tiên thập cảnh” là chủ đề sinh hoạt tiêu biểu cho khuynh hướng văn chương này. Trịnh Hoài Đức trong “Gia Định thành thông chí” nhận xét như sau: “*Ngày xưa, Quận công Mạc Tông vịnh 10 cảnh ở Hà Tiên trong có cảnh “Nam Phố trùng ba” (Sóng lộng bến Nam) ấy là chép việc thực vậy.*”.

Số lượng thơ vịnh về Hà Tiên có khoảng 330 bài Đường luật; trong đó, Mạc Thiên Tứ có 10 bài xướng chữ Hán và 10 bài họa chữ Nôm. Ngoài ra, còn 334 câu thơ song thất lục bát được bố trí mở đầu cho mười bài thơ họa Nôm của ông, như phần giới thiệu, dẫn giải cho mỗi cảnh đẹp của Hà Tiên. Số thơ

Đường còn lại là của văn nhân, thi sĩ trong tao đàn và trong cả nước. Mười cảnh đẹp Hà Tiên thuộc tỉnh Kiên Giang, gồm: Tô Châu với bài “Kim dạ lan đào”, còn viết “Kim dữ lan đào”, núi Lãng với bài “Bình sơn điệp túy”, còn viết “Bình san điệp thúy”; chùa Phù Dung với bài “Tiêu tự thân chung”, rạch Giang Thành với bài “Giang thành dạ cổ”; Thạch Động với bài “Thạch động thôn vân”, núi Đá Dựng với bài “Châu nham lạc nhật”, còn viết “Châu nham lạc lộ”; phá Hà Tiên với bài “Đông hồ ấn nguyệt”, biển Nam Phổ với bài “Nam phổ trùng ba”; mũi Nai với bài “Lộc trĩ thôn cư”, rạch Vược với bài “Lư Khê ngư bạc”. (Xem thêm “*Hà Tiên thập vịnh*” trong sách này)

Chiêu Anh Các quy tụ được khá đông văn tài, thi nhân. Theo tư liệu cổ, gồm các tác phẩm “Phủ biên tạp lục”, “Kiến văn tiểu lục” của Lê Quý Đôn, “Gia Định thành thông chí” của Trịnh Hoài Đức, với sự ghi chép của 2 tác giả này thì có đến 75 người. Trong số này, ngoài Mạc Thiên Tứ là chủ soái, có 24 người được ghi nhận trong cả 3 tư liệu nói trên. Đó là: *Đặng Minh Bản, Lô Phùng Cát, Từ Đăng Cơ, Châu Cảnh Dương, Trần Duy Đức, Trần Minh Hạ, Ngô Chi Hàn, Từ Huyền, Trần Tự Lan, Nguyễn Nghi, Đơn Bình Ngự, Lâm Kỳ Nhiên, Từ Hiệp Phi, Trần Thụy Phụng, Phan Thiên Quảng, Trịnh Liên Sơn, Thang Ngọc Sùng, Lâm Duy Tắc, Trần Hoài Thủy, Tôn Thiên Thụy, Hoàng Kỳ Trân, Tôn Nghiêm Trân, Trần Thiệp Tứ, Trần Dục Uyên*; có 11 người được ghi nhận từ 2 nguồn tư liệu. Đó là: *Tạ Chương, Mạc Triều Đán, Trương Giao, Từ Hoàng, Lê Chương Húc, Tôn Quý Mậu, Phương Minh, Châu Phác, Trần Bá Phát, Dư Tích Thuần, Lý Nhân Trường*; lại có 40 người được ghi nhận từ một trong những tư liệu đã nêu. Đó là: *Phương Thu Bạch, Trần Thành Bích, Lê Bá Bình, Mã Văn Chấn, Lưu Chương, Tô Dần, Phùng Diễn, Trang Huy Diệu, Lư Triệu Dinh, Lê Dự, Phương Dự, Ngô Diễn, Hoàng Đỗ, Nguyễn Đình Hiền, Đỗ*

Văn Hồ, Hoàng Nguyên Hội, Chung Vĩnh Hòe, Nhan Chung Hoàng, Vương Húc, Trần Trí Khải, Nghệ Nguyên Khâm, Uông Hế Lai, Lý Sĩ Liên, Trần Diệu Liên, Lương Loan, Phương Lộ, Vương Đức Lộ, Hoàng Long, Trần Ngoan, Lương Kim Phong, Thái Đạo Pháp, Trần Đình Tảo, Thi Trù, Trần Trinh, Lê Giản Tư, Đoàn Tương, Lương Thừa Tuyên, Trần Xuân, Vương Xương. Như vậy, số lượng thành viên trong Tao đàn này đông đảo hơn “Tao đàn Nhị thập bát tú”. Điều đó cho thấy sức tập hợp của tao đàn này rất mạnh, niềm đam mê văn chương thi phú của “kẻ sĩ” đối với tao đàn văn chương ở vùng đất Hà Tiên thời bấy giờ là rất lớn, có tiếng vang đáng nể phục.

Quan điểm thi văn của “Tao đàn Chiêu Anh các” cũng khá chuẩn mực. Phải nói là có yêu cầu rất cao. Lời tâm sự qua lại giữa người chủ soái Tao đàn Hiệp trấn Hà Tiên Tông Đức hầu Mạc Thiên Tích với một khách thơ Nguyễn Cư Trinh, được Lê Quý Đôn ghi chép lại trong “Phủ biên tạp lục”, cho thấy sáng tác văn chương, tuy nói là để thưởng ngoạn, vui chơi; nhưng rõ ràng là có những yêu cầu chặt chẽ và nghiêm túc về câu, chữ, hình thức diễn đạt, văn phong, tính chân thực, hàm súc...:

“Phàm giữ lòng là chí, ngụ ý là thơ. Người có nông sâu, cho nên thơ có ẩn và rõ, bao gồm và rút gọn không giống nhau. Thời có lên xuống cho nên thơ có bước đầu, lúc thịnh, lúc giữa, lúc muộn khác nhau. Tóm lại, không ngoài lấy trung hậu làm gốc, hàm súc làm nghĩa, bình đạm làm khéo, mà tô điểm cho đẹp để, rèn luyện cho kĩ xảo, đó chỉ là ngoại thiên của sáu nghĩa, dư sự của năm mối mà thôi. Tâm là cái khó lường, tiết ra mà làm thơ, mà thành. Thơ mà có thể đọc được, cốt ở một chữ, có khi đến ba năm mà sau mới tìm được hay nghìn năm mà không giải quyết được. Tôi xem đó là khó lắm. Hướng chi khi nhỏ còn bông lông, chưa hay dốc chí về kinh luân, lớn lên lại biếng lười, rất sợ cầu danh ở văn chương, cho nên sinh bình thơ hay rất

ít. Huống lại sông vàng ả ngọc, muôn dặm tình hoà; lại việc ba quân còn rối đầu mà nghĩ đến thơ. Nếu có ngâm vịnh một hai bài thì cũng miễn cưỡng theo người, chứ vốn cũng không phải tự mình cao hứng, so với điều không nên cầu thả thực đáng xấu hổ. Xin khéo vì tôi che giấu, không nên nói với người ngoài.”.

Đánh giá sáng tác văn chương dưới chủ đề “Hà Tiên thập vịnh” của “Tao đàn Chiêu Anh các”, Lê Quý Đôn có viết như sau: “... Như thế có thể biết được núi sông Hà Tiên được phong hóa của tiên quân lưu hành đã thêm phần tráng lệ, lại được các tay danh sĩ đề vịnh càng thêm sáng sửa tốt tươi. Tập thơ này không những tô điểm bộ mặt dân cư nơi bãi biển, mà cũng có thể thay vào sử ký của Hà Tiên.” (Kiến văn tiểu lục). Đánh giá này một mặt cho thấy giá trị của “Hà Tiên thập vịnh”; mặt khác, phản ánh được sức thu hút của “Tao đàn Chiêu Anh các” thời bấy giờ.

Sau “Tao đàn Chiêu Anh các”, ở Nam Bộ lại hình thành tổ chức văn chương mới là “Bình Dương thi xã”. Tổ chức này ra đời vào nửa đầu thế kỉ XIX, tại Gia Định, do nhóm “Gia Định tam gia thi” đứng đầu. Đó là những vị quan văn nổi tiếng thời triều Nguyễn, như: Trịnh Hoài Đức, Ngô Nhơn Tĩnh, Lê Quang Định...

Trịnh Hoài Đức (1765-1825) tự Chỉ Sơn. Ông đã hai lần giữ chức Hiệp Tổng trấn Gia Định thành, dưới thời Tổng trấn Nguyễn Văn Nhơn và Tổng trấn Lê Văn Duyệt. Ông cũng từng giữ các chức quan cao của triều đình, như: Thượng thư bộ Hộ, Thượng thư bộ Lễ, Thượng thư bộ Lại...

Nhưng người đời biết đến ông nhiều là qua thơ văn ông. Thơ Trịnh Hoài Đức là thơ trữ tình. Ngoài thơ trữ tình, ông còn làm thơ tả cảnh vật, cảnh sinh hoạt của người dân nơi ông ở hoặc có dịp đi qua. Ông cùng với Lê Quang Định, Ngô Nhơn Tĩnh lập nên nhóm “Gia Định tam gia thi” với tác phẩm “*Gia Định tam gia thi tập*”. Ông còn để lại nhiều bộ sách có

giá trị khác, như: “*Cẩn trai thi tập*”; “*Bắc sử thi tập*”, trong tập này có 18 bài thơ Nôm liên hoàn được viết khi ông đi sứ Trung Quốc; ngoài ra, còn có các sáng tác khác, như: “*Lịch đại kỷ nguyên*”, “*Khang tế lục*” và đặc biệt là tác phẩm “*Gia Định thành thông chí*”.

Bộ “*Gia Định thành thông chí*” là một công trình có giá trị cao về lịch sử, địa lý, văn hóa của Sài Gòn nói riêng, Nam Bộ nói chung. Bộ sách gồm 6 tập ghi chép tương đối đầy đủ và cẩn thận các vấn đề về thiên văn, núi sông, địa giới, phong tục tập quán, sản vật và đơn vị hành chính ở Nam Bộ thời bấy giờ.

Nhân vật thứ hai là Ngô Nhơn Tĩnh (?-1813), tự Nhữ Sơn. Ông đã từng làm đến chức Thượng thư bộ Công, và chức Hiệp tổng trấn Gia Định dưới triều nhà Nguyễn. Ngoài sự học, tài thơ văn, ứng đáp của ông được nhiều người nể trọng; người Trung Quốc còn phải phục tài thi văn của ông, khi ông đi sứ. Sáng tác của ông có các tập: “*Nghệ An phong thổ ký*”, được sáng tác lúc ông được bổ nhiệm làm quan ở Nghệ An. Ngoài ra, ông còn 2 tập văn-thơ quan trọng: “*Thập Anh văn tập*”, “*Thập Anh Đường thi tập*”.... Trong tập “*Thập Anh Đường thi tập*”, có 81 bài thơ được làm trong thời gian đi sứ, lúc làm quan và khi xướng họa. Ông còn hiệu đính sách “*Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*” cho Lê Quang Định. Trong nhóm “*Bình Dương thi xã*”, Ngô Nhơn Tĩnh còn có đóng góp chung vào công trình “*Gia Định tam gia thi tập*”. Thơ ông chất chứa tâm trạng của một vị trượng phu, nhưng mang nhiều nỗi oan khuất, mà lời lẽ lại không chất chứa oán hờn. Ý tình trong thơ còn cho thấy ông là một kẻ sĩ đã trải đời, thấu hiểu được lẽ xuất xử thời cuộc.

Nhân vật thứ ba là Lê Quang Định (1759 -1813), tự Tri Chỉ. Ngoài tài văn thơ, ông còn “biệt tài” viết đẹp, vẽ đẹp. Bên cạnh bộ “*Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*”, gồm 10 quyển, được xem là bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn, Lê

Quang Định còn có tập “*Hoa nguyên thi thảo*”, tập thơ sáng tác trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc, gồm 74 bài, hầu hết là thơ đề vịnh, cảm hoài. Trong thơ, ông nêu bật được những quan niệm thẩm mỹ cá nhân, tính sáng tạo riêng trong cảm xúc thẩm mỹ và nhận định của mình. Ông cũng là người góp công sức vào sự thành công chung của “*Bình Dương thi xã*”, bằng tập thơ chung “*Gia Định tam gia thi tập*”.

Nhóm “*Bình Dương thi xã*” tuy không đông thành viên, nhưng sự đóng góp của tổ chức văn chương này không nhỏ. Bởi nhóm đã tập hợp được ba cây bút tài danh, mà khi nói về họ, người dân Nam Bộ luôn tự hào, gọi họ bằng tên gọi thân quen là nhóm “*Gia Định tam gia*”. Nhóm “*Bình Dương thi xã*” không chỉ có đóng góp trên bình diện văn chương, mà sáng tác của họ còn giúp cho người sau có được những hiểu biết ở nhiều bình diện khác, như: lịch sử, địa lí, phong tục tập quán...

“*Bạch Mai thi xã*” là một trong ba tổ chức văn chương lớn của vùng Nam Kỳ Lục Tỉnh, được thành lập vào giữa thế kỉ XIX, do nhóm sĩ phu Nam Bộ từng xướng vịnh ở gò Cây Mai sáng lập, và sớm chuyển đổi thành dòng văn học yêu nước, với những tên tuổi lớn như: Nguyễn Đình Chiểu, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Huỳnh Mẫn Đạt... “*Bạch Mai thi xã*” quy tụ đông đảo văn nhân, thi sĩ hơn “*Bình Dương thi xã*”. Tuy không tồn tại lâu, nhưng phần lớn họ là những sĩ phu yêu nước có đóng góp lớn cho phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ thời kỳ đầu trên cả hai mặt trận: cầm viết và đánh giặc.

Trong nhóm này, Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) được ví như ngọn cờ đầu, thủ lĩnh tinh thần cho công cuộc kháng chiến chống Pháp. Sáng tác của nhà thơ mù đất Ba Tri (Bến Tre) Nguyễn Đình Chiểu rất phong phú. Tiêu biểu trong số những tác phẩm của ông là ba

tập truyện thơ dài: “*Lục Vân Tiên*” (1858), “*Dương Từ - Hà Mậu*” (1858), “*Ngư tiều y thuật vấn đáp*” (1874-1888). Ngoài ra, ông còn là “vua” của thể loại văn tế: “*Văn tế Nghĩa sĩ Cần Giuộc*” (1861) (Xem bài “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” có đăng trong sách này), “*Văn tế Trương Công Định*” (1864). Ông cũng có rất nhiều bài thơ Đường luật tiêu biểu, mang đậm tính thời sự, như bài “*Chạy Tây*” (1859), Mười hai bài thơ điệu Trương Định (1864), Mười hai bài thơ điệu Phan Tòng (1868)...

Thơ văn của hai vị Thủ khoa đất Nam Kỳ Nguyễn Hữu Huân (Mỹ Tho-Tiền Giang), Bùi Hữu Nghĩa (Bình Thủy-Cần Thơ) cũng tràn đầy tinh thần yêu nước, trọng đạo nghĩa, nêu cao luân lí thánh hiền. Đặc biệt với Nguyễn Hữu Huân (1820-1875), ông vừa là một nhà thơ, còn là một chiến sĩ đã anh dũng hi sinh trong công cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp. Thơ ông thể hiện ý chí sắt đá trong công cuộc đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù. Trong các bài thơ: “*Mang gông, Tặng vợ, Tự thuật, Cảm hoài, Thuật hoài, Hò khoa ca, Khi được tha về...*”, ông luôn tỏ rõ ý chí bền bỉ, thái độ cứng cỏi với kẻ thù và tinh thần đấu tranh trước sau như một cho non sông đất nước. Còn Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) được xem là một sĩ phu yêu nước, có tinh thần chống giặc. Thơ của ông bộc lộ nỗi niềm chua xót trước cảnh đất nước bị giặc ngoại xâm và tấm lòng đối với non sông đất nước. Ông có một số tác phẩm nổi tiếng như các vở tuồng: “*Kim Thạch kỳ duyên, Tây Du, Mậu Tòng*”, các bài văn tế: “*tế vợ, tế con*” và một số bài thơ Đường luật.

Nhà thơ Phan Văn Trị (1830-1910) sinh ở Giồng Trôm (Bến Tre), cuối đời về dạy học và chết nằm lại ở quê vợ Phong Điền (Cần Thơ). Ông sáng tác khá nhiều, có đến cả trăm bài thơ vịnh, nhưng nổi danh với “*cuộc bút chiến*” bằng mười mấy bài họa thơ Tôn Thọ Tường. (Xem thêm bài “*Cuộc bút chiến của Phan Văn Trị với Tôn Thọ Tường*” đăng trong sách này). Ông được xem là

một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, văn học. Thơ ông có sức cổ vũ được đông đảo sĩ phu Nam Kỳ vào cuộc bút chiến và có khả năng cảm hóa được đối phương đang ở bên kia bờ chiến tuyến.

Nhà thơ của đất Long An Nguyễn Thông (1827-1884) có thời là quan đốc học ở tỉnh Vĩnh Long. Nguyễn Thông không chỉ là nhà thơ, ông còn là nhà nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực, như: giáo dục, lịch sử, địa lí... Ông có hai tập thơ, văn được nhiều người biết đến: “*Ngoạ du sào thi tập*” và “*Ngoạ du sào văn tập*”. Ngoài ra, ông còn có một số tác phẩm khác, như: “*Kỳ Xuyên công độc văn sao*”, “*Việt sử cương giám khảo lược*”, “*Nhân sự kim giám*”... Nhìn chung, thơ văn ông thể hiện tấm lòng thiết tha yêu mến quê hương, đất nước và tấm lòng ưu ái với những người không may, xấu số. Ông ca ngợi, xót thương cho những người đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Đôi lúc, thơ ông cũng bộc lộ nỗi buồn của một sĩ phu bất lực trước thời cuộc của đất nước.

Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883) nhà thơ của đất Gia Định, có sách nói ông là người Kiên Giang. Ông đứng trong hàng ngũ những nhà thơ yêu nước và cũng là một trong những nhà thơ lao mình vào cuộc bút chiến với Tôn Thọ Tường. Ông có một số bài thơ nổi tiếng như: “*Cây dừa, Chó già, Mưa đêm, Ngộ Hữu, Trời chiều, Điếu Nguyễn Trung Trực...*”. Thơ ông cũng bộc lộ tình yêu nước, thương dân, lòng căm thù giặc. Huỳnh Mẫn Đạt ngưỡng mộ những người vì nước hy sinh, khinh bỉ, căm ghét những kẻ đầu hàng, chạy theo thực dân xâm lược Pháp.

Tổ chức văn chương “Bạch Mai thi xã” tuy không tồn tại lâu, nhưng nó cho thấy được ước nguyện to lớn của các sĩ phu thời bấy giờ trong lĩnh vực hoạt động văn học; đồng thời cũng thấy được tâm trạng và sự lo âu, cùng hành động của họ trước vận nước và thời cuộc đang có

nhều thay đổi theo chiều hướng bất lợi cho đất nước và dân tộc.

Nam Bộ tuy là vùng đất mới, nhưng những người “cầm chịch” chỉ huy khai phá và bảo vệ vùng đất này luôn ý thức và quan tâm hết mực đến hoạt động tinh thần, văn hóa, học thuật của con người. Ba tổ chức văn chương được hình thành trong một thời gian ngắn trong tiến trình mở đất đồng bằng Nam Bộ đủ nói lên một khát vọng lớn ở con người Nam Bộ đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Những sáng tác của họ đã góp phần làm giàu cho kho tàng văn hóa, văn học dân tộc và mang lại một bản sắc riêng của một vùng đất mới được khai phá. Sự đóng góp này làm cho nền văn học dân tộc có tính đa diện, nhiều sắc màu phong phú hơn. Mặt khác, họ cũng là những người đi đầu trong công cuộc đấu tranh chống giặc (nhóm “Bạch Mai thi xã”). Nếu không có họ, sự hun đúc tinh thần và ý chí đấu tranh chống giặc ngoại xâm cho quần chúng nhân dân sẽ khó phát huy được cao độ; sự thắng lợi trong công cuộc đấu tranh giữ nước chắc còn phải lùi xa hơn thực tế lịch sử đã diễn ra và nền văn hóa, học thuật của Nam Bộ chắc sẽ không đạt được tiến bộ như hiện có.

9/ 2007

(Ghi chú: Bài đăng trong “*Cảm nhận bản sắc Nam Bộ*”, NXB. Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2006)